

Số: 11/6 /2007/TT-BQP

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2007

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về
quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.**

Thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, ngành có liên quan, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ trong phạm vi cả nước, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước (vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư khác của Nhà nước) và các nguồn vốn khác; các dự án (hoặc phi dự án) có yếu tố nước ngoài. Phục vụ công tác điều tra khảo sát, nghiên cứu có liên quan đến bom, mìn, vật nổ tồn lưu sau chiến tranh.

2. Đối tượng áp dụng.

Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân ở trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện.

3.1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định tại điều 1 và điều 2; nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điều 4 Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Bộ Quốc phòng lập và tổ chức thực hiện đề án điều tra, khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, chi tiết tới cấp xã. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, thị xã, quận, huyện, xã phối hợp với lực lượng điều tra khảo sát để thực hiện, cung cấp các thông tin liên quan một cách chính xác, khách quan để hoàn thành đề án. Kết quả của đề án phải lập được bản đồ các khu vực còn bị ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tới cấp xã, đánh giá được mức độ tồn lưu bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả

nước, từng khu vực, phục vụ cho việc quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Trung ương và các địa phương; làm cơ sở cho việc tư vấn và tổ chức triển khai công tác rà phá bom, mìn, vật nổ cho các dự án, công trình xây dựng.

3.3. Do tính chất đặc biệt nguy hiểm nên công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ cho các đơn vị công binh chuyên trách và các doanh nghiệp quân đội có đủ năng lực thực hiện theo Quyết định số 49/2007/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu quy định tại điểm đ khoản 1 điều 101 của Luật Xây dựng.

3.4. Người chỉ huy đơn vị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm chính về kết quả và sự an toàn cho dự án, công trình trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng có liên quan đến vấn đề bom, mìn, vật nổ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

4. Phạm vi của công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

4.1. Là một hạng mục trong nội dung giải phóng mặt bằng của một dự án đầu tư.

4.2. Là một dự án độc lập chỉ thực hiện một nội dung rà phá bom, mìn, vật nổ để giải phóng mặt bằng phục vụ cho mục đích chung.

4.3. Diện tích, độ sâu và hành lang an toàn rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án thực hiện theo quyết định số 95/2003/QĐ-BQP ngày 7 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy trình kỹ thuật dò tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ” (gọi tắt là diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ).

4.4. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ dưới nước trong Thông tư này chỉ áp dụng cho trường hợp có độ sâu đến 15m; trường hợp có độ sâu hơn 15m thì thực hiện theo quy trình và định mức riêng do Bộ Quốc phòng ban hành.

5. Chế độ, chính sách đãi ngộ, định mức bồi dưỡng, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II- QUY TRÌNH TRIỂN KHAI RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ.

1- Các giai đoạn triển khai.

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được tiến hành tuần tự theo đúng trình tự triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Chính phủ quy định gồm hai giai đoạn:

- Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

2. Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Chủ đầu tư căn cứ vào diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (quy định tại điểm 4.3, mục 4, phần I) và định mức, đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho một ha diện tích (quy định tại Phụ lục số 1) của Thông tư này để thực hiện các công việc sau:

- Tính mức vốn đầu tư (khái toán) cho hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ của dự án hoặc cho một dự án độc lập chỉ có rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tổng hợp mức vốn khái toán vào tổng mức đầu tư của dự án hoặc là tổng mức đầu tư đối với một dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập.

- Trình phê duyệt dự án.

3. Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án được tiến hành theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ.

Sau khi dự án đầu tư được phê duyệt, Chủ đầu tư lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án bằng văn bản gồm:

- Tên dự án;
- Địa điểm;
- Chủ đầu tư;
- Diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ;
- Nguồn vốn;
- Yêu cầu tiến độ.

3.2. Bước 2: Gửi văn bản đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ theo địa chỉ sau:

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha thì gửi văn bản về Bộ Tư lệnh Quân khu nơi triển khai dự án đầu tư để giải quyết.

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha thì gửi văn bản về Cục Tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu để giải quyết.

3.3. Bước 3: Giao nhiệm vụ cho các đơn vị rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tư lệnh Quân khu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công-dự toán và tổ chức thi công rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Cục trưởng Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, giải quyết thủ tục và soạn thảo quyết định báo cáo Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công-dự toán; giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công. Đối với các dự án, công trình xây dựng có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn, yêu cầu tiến độ gấp thì giao cho hai hoặc nhiều đơn vị tham gia thi công để bảo đảm tiến độ.

3.4. Bước 4: Thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công-dự toán.

Sau khi lập xong phương án kỹ thuật thi công-dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ; đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ về:

- Tư lệnh Quân khu để tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án kỹ thuật thi công-dự toán các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha do đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền thực hiện.

- Tư lệnh Công binh để tổ chức thẩm định phương án kỹ thuật thi công-dự toán đối với các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha và những dự án dưới 30 ha do các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện; báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Ký hợp đồng thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

Căn cứ vào quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng hoặc các Quân khu, Chủ đầu tư tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ để thực hiện và thanh, quyết toán.

5. Tổ chức thi công.

5.1. Sau khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được ký kết, đơn vị trực tiếp thi công phải lập kế hoạch thi công báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp phê duyệt.

5.2. Đơn vị thi công thông báo bằng văn bản việc triển khai thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho cơ quan quân sự địa phương trên địa bàn có dự án để thông nhất triển khai, quản lý địa bàn.

5.3. Khi nhận được thông báo, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ triển khai thực hiện và tổ chức huỷ bom, mìn, vật nổ thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm an toàn và tiến độ xây dựng của dự án.

6. Nghiệm thu, bàn giao.

Sau khi đã hoàn thành công tác thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (hoặc từng giai đoạn), đơn vị thực hiện báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công-dự toán được duyệt để Chủ đầu tư nhận và bảo vệ mặt bằng đưa vào sử dụng. Hồ sơ về kết quả rà phá bom, mìn, vật nổ được lưu trữ cùng hồ sơ dự án.

7. Kiểm tra và báo cáo.

Cấp trên quản lý trực tiếp đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng thi công tại hiện trường. Đối với các công trình trọng điểm, khi cần thiết Bộ Quốc phòng giao cho Bộ Tư lệnh Công binh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra.

Hàng quý, 6 tháng, một năm các đơn vị thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư lệnh Công binh để tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

III. KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ.

1. Đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo khoản 2 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

1.1. Chi bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ với mức sinh hoạt phí là 60.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 122/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ.

1.2. Chi phí vật liệu, nhân công, ca máy theo định mức dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo quyết định số 117/2007/QĐ-BQP ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.3. Những thiết bị thi công không có trong trang bị của quân đội, phải thuê bên ngoài thì được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

1.4. Đơn giá ca máy theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo quyết định số 177/2005/QĐ-BQP ngày 4/11/2005 và số 80/2007/QĐ-BQP ngày 3/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.5. Các chi phí khác được tính theo quy định hiện hành.

1.6. Không tính các khoản thu nhập chịu thuế tính trước và các khoản thuế khác (trừ các thiết bị thuê ngoài).

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

Thực hiện theo khoản 3 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ; đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

3. Phương thức bảo đảm kinh phí.

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được lấy từ nguồn kinh phí của dự án; là một khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư của từng dự án hoặc tổng mức đầu tư của dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập. Chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí trực tiếp cho các đơn vị theo hợp đồng.

IV. CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ CÁC DỰ ÁN (HOẶC PHI DỰ ÁN) CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI.

1. Nước ngoài, các Tổ chức quốc tế, Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam, đáp ứng Luật pháp và các quy định của Việt Nam đều được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện. Viện trợ của bên nước ngoài trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.

- Viện trợ, hỗ trợ phi dự án (viện trợ không thuộc chương trình, dự án; cung cấp viện trợ dưới dạng hàng hoá, vật tư, thiết bị, tài chính...).

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tiếp nhận các nguồn hỗ trợ và tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ ở Việt Nam.

2. Việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ do chiến tranh để lại thực hiện theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

3. Việc tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

4. Việc tham gia rà phá bom, mìn, vật nổ làm nhiệm vụ quốc tế được Chính phủ giao nhiệm vụ trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định về quản lý và thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ trước đây trái với Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đối với những dự án có hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa thi công thì điều chỉnh dự toán chi phí theo Thông tư này; đối với những dự án thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ chưa hoàn thành thì phần khối lượng đã thi công xong (theo nhật ký thi công có xác nhận của giám sát thi công bên Chủ đầu tư) tính đến 25/5/2006 được hưởng chi phí theo quy định trước khi Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực; phần khối lượng thi công tính từ ngày 26/5/2006 đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo công văn số 5972/BQP ngày 13/11/2006 của Bộ Quốc phòng; phần khối lượng thi công sau thời điểm có hiệu lực của Thông tư được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ đầu tư dự án, căn cứ quy định tại Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thông tư này, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Quốc phòng để tổng hợp và nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương;
- BTTM, các Tổng cục;
- Các QK, QĐ, QBC; BĐ Biên phòng;
- Các Cục: KII &ĐT, Tài chính, Kinh tế, Tác chiến., Chính sách ;
- Các đơn vị, doanh nghiệp được cấp Giấy phép RPBM;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Công báo;
- Lưu C20 (2b)

KT.BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Khắc Nghiên

Phụ lục số 1

**ĐỊNH MỨC ĐƠN GIÁ RÀ PHÁ BOM, Mìn, VẬT NỔ TẠM TÍNH
CHO 01 HA ĐỂ ĐƯA VÀO KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

(Kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

TT	KHU VỰC MẬT ĐỘ TÍN HIỆU	ĐƠN GIÁ RÀ PHÁ BOM, Mìn, VẬT NỔ CHO 01 HA (Triệu đồng/ha)	
		TRÊN CẠN	DƯỚI NƯỚC (<15m)
1	Khu vực 1	19,5	32,7
2	Khu vực 2	26,3	47,7
3	Khu vực 3	33,2	62,4
4	Khu vực 4	40,0	77,6

PHÂN LOẠI CÁC KHU VỰC MẬT ĐỘ TÍN HIỆU

PHÂN LOẠI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG (TỪ HUYỆN, THỊ XÃ TRỞ LÊN)
Khu vực 4	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng ven biên giới Việt- Trung (≤ 5 km tính từ đường biên giới vào nội địa nước ta); - Tỉnh Quảng Trị: tất cả các huyện, thị xã thuộc tỉnh; - Tỉnh Thừa Thiên Huế: huyện Phong Điền và Hương Thủy.
Khu vực 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh Nghe An: Kỳ Sơn, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Tp Vinh; - Tỉnh Hà Tĩnh: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Thạch Hà; - Tỉnh Quảng Bình: tất cả các huyện trừ Tp Đồng Hới; - Tỉnh Thừa Thiên Huế: tất cả các huyện và Tp còn lại.
Khu vực 2	<ul style="list-style-type: none"> - Nội thành các TP: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thanh Hoá; - Tỉnh Nghe An: Tất cả các huyện, thị xã còn lại; - Tỉnh Hà Tĩnh: huyện Thạch Hà; - Tỉnh Quảng Bình: TP Đồng Hới; - TP Đà Nẵng: tất cả các quận, huyện trừ quận Ngũ Hành Sơn; - Tỉnh Quảng Nam: tất cả các huyện, thị xã trừ thị xã Hội An và huyện Trà My; - Tỉnh Quảng Ngãi: tất cả các huyện và thị xã; - Tỉnh Ninh Thuận: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Ninh Hải. - Tỉnh Kon Tum: tất cả các huyện và thị xã; - Tỉnh Đắk Lắk: các huyện MaĐrăk, Đăk RLấp, Krông Bông; Buôn Đôn; - Tỉnh Gia Lai: TP Pleiku; huyện IaGrai; Chư Prông; - Tỉnh Đồng Nai: huyện Nhơn Trạch; - TP Hồ Chí Minh: huyện Củ Chi, Cần Giờ; - Tỉnh Long An: tất cả các huyện trừ thị xã Tân An, huyện Cần Giuộc và Thanh Hoá; - Tỉnh Bình Thuận: huyện Tuy Phong, Tánh Linh, Hàm Tân; - Tỉnh Bình Dương: huyện Bến Cát;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh Tây Ninh: huyện Bến Cầu, Tân Biên và Tân Châu; - TP Cần Thơ: các quận, huyện Châu Thành, Thốt Nốt; - Tỉnh Hậu Giang: TX Vị Thanh; - Tỉnh Tiền Giang: huyện Gò Công, Chợ Gạo, TP Mỹ Tho, Châu Thành, TX Gò Công; - Tỉnh Sóc Trăng: TP Sóc Trăng, huyện Mỹ Tú, Long Phú, Kế Sách; - Tỉnh Kiên Giang: huyện Châu Thành; - Tỉnh Cà Mau: TP Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước; - Tỉnh Trà Vinh: TX Trà Vinh; - Tỉnh Vĩnh Long: huyện Mang Thít, Long Hồ, Vũng Liêm, TX Vĩnh Long; - Tỉnh Đồng Tháp: TX Sa Đéc; tỉnh Bạc Liêu: TX Bạc Liêu.
Khu vực 1	Tất cả các khu vực còn lại ngoài các địa phương thuộc các khu vực 2, 3, 4 trên địa bàn cả nước.

Phụ lục số 2

DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT BOM, MÌN, VẬT NỔ.

(Áp dụng cho các dự án, công trình có diện tích từ 30 ha trở lên)

(Kèm theo Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10 tháng 8 năm 2005)

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	Tổng chi phí VL	VL
2	Chi phí bồi dưỡng nhân công (NC)	Tổng chi phí NC	NC
3	Chi phí máy thi công	Tổng chi phí máy	M
4	Trực tiếp khác	$1,5\% \times (VL+NC+M)$	TT
	CỘNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	$VL + M + NC+TT$	T
II	Chi phí chung	$70\% \times NC$	C
	CỘNG GIÁ THÀNH DỰ TOÁN KHẢO SÁT	$T + C$	Z
III	Chi phí khác	$K1+K2+ K...$	K
1	Lập phương án, báo cáo kết quả KS	$5\% \times Z$	K1
2	Chi phí chỗ ở tạm thời	$5\% \times Z$	K2
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt	Tỷ lệ quy định $\times Z$	K3
..	Chi phí khác (nếu có)....	K...
	Cộng giá trị dự toán:	$Z + K$	G

Ghi chú: Chi phí chung, chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát, chi phí chỗ ở tạm thời theo Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10/8/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

Phụ lục số 3
DỰ TOÁN CHI PHÍ PHÁ BOM, Mìn, VẬT NỔ.

(Kèm theo Thông tư số 74/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KẾT QUẢ
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	Tổng chi phí VL	VL
2	Chi phí bồi dưỡng nhân công (NC)	Tổng chi phí nhân công	NC
3	Chi phí máy thi công	Tổng chi phí máy	M
4	Trực tiếp khác	$1,5\% \times (VL + NC + M)$	TT
	CỘNG CHI PHÍ TRỰC TIẾP	$VL + NC + M + TT$	T
II	Chi phí chung	$40\% \times NC$	C
	CỘNG GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XD	$T + C$	Z
III	Chi phí khác	$K1 + K2 + K3 + \dots$	K
1	Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán	Tỷ lệ quy định x Z	K1
2	Chi phí thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công - dự toán	Tỷ lệ quy định x Z	K2
3	Chi phí lán trại	Tỷ lệ quy định x Z	K3
4	Chi phí kiểm tra chất lượng thi công	Tỷ lệ quy định x Z	K4
5	Chi phí huỷ bom mìn vật nổ tìm được	Tỷ lệ quy định x Z	K5
6	Chi phí nghiệm thu thanh quyết toán	Tỷ lệ quy định x Z	K6
7	Chi phí BQLDA, công trình (nếu có)	Tỷ lệ quy định x Z	K7
8	Chi phí thanh tra, kiểm toán (nếu có)	Tỷ lệ quy định x Z	K8
..	Chi phí....	K...
	Cộng giá trị dự toán:	$Z + K$	G

Ghi chú: Chi phí chung bằng 40% theo Thông tư 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng.